

Số: 16 /2024/TT-BYT

Hà Nội, ngày 30 tháng 9 năm 2024

THÔNG TƯ

Ban hành Danh mục chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế đã được xác định mã số HS theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam

*Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;
Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;*

Căn cứ Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;

Căn cứ Nghị định số 95/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Nghị định số 91/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về quản lý hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý Môi trường y tế;

Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Thông tư ban hành Danh mục chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế đã được xác định mã số HS theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này ban hành Danh mục và nguyên tắc áp dụng Danh mục chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế đã được xác định mã số HS theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam.

Điều 2. Ban hành Danh mục

Ban hành kèm theo Thông tư này Danh mục chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế đã được xác định mã số HS theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng Danh mục

1. Hàng hóa trong danh mục ban hành kèm theo Thông tư này được quản lý theo quy định tại Nghị định số 91/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về quản lý hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế.

2. Trường hợp có sự khác biệt, không thống nhất trong việc phân loại và xác định mã số HS đối với các hàng hóa thuộc các Danh mục ban hành kèm theo Thông tư này, việc xác định mã số HS thực hiện theo quy định của pháp luật về hải quan.

[Handwritten signature]

3. Đối với chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế chưa được liệt kê và xác định mã số HS trong Danh mục ban hành kèm theo Thông tư này, việc xác định mã số HS thực hiện theo quy định của pháp luật về hải quan. Sau khi thông quan, các tổ chức, cá nhân xuất khẩu, nhập khẩu có văn bản gửi về Bộ Y tế (Cục Quản lý Môi trường y tế) để làm cơ sở phối hợp với Bộ Tài chính xem xét thống nhất, cập nhật và ban hành Danh mục bổ sung.

Điều 4. Điều khoản tham chiếu

Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật và các quy định được viện dẫn trong Thông tư này có sự thay đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì áp dụng theo văn bản quy phạm pháp luật mới.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2024.
2. Thông tư số 09/2018/TT-BYT ngày 27 tháng 4 năm 2018 Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Danh mục hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế được xác định mã số hàng hóa theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Điều 6. Trách nhiệm thi hành

Cục trưởng Cục Quản lý Môi trường y tế, Thủ trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Y tế; Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Y tế (Cục Quản lý Môi trường y tế) để xem xét, giải quyết. /.

Nơi nhận:

- Ủy ban xã hội của Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ (Vụ Khoa giáo-Văn xã, Công báo, Công TTĐT Chính phủ);
- Bộ trưởng (đề báo cáo);
- Các Thứ trưởng Bộ Y tế;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Y tế các Bộ, ngành;
- Các Vụ, Cục, Tổng cục, Thanh tra Bộ, Văn phòng Bộ;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ Y tế;
- Công TTĐT Bộ Y tế;
- Lưu: VT, MT (03b), PC (02b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Thị Liên Hương

DANH MỤC
CHẾ PHẨM DIỆT CÔN TRÙNG, DIỆT KHUẨN DÙNG TRONG
LĨNH VỰC GIA DỤNG VÀ Y TẾ ĐÃ ĐƯỢC XÁC ĐỊNH MÃ SỐ HS
THEO DANH MỤC HÀNG HÓA XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU VIỆT NAM
(ban hành kèm theo Thông tư số 16 /2024/TT-BYT ngày 30 tháng 9 năm 2024)

TT	Sản phẩm	Mô tả hàng hóa	Mã số HS	Ghi chú
1	Hương (nhang) xua, diệt côn trùng dùng trong gia dụng và y tế.	Hương (nhang) vòng chống muỗi, đóng gói với trọng lượng tịnh không quá 300g	3808.61.10	Hương (nhang) có chứa một hoặc nhiều chất gồm: alpha- cypermethrin (ISO), bendiocarb (ISO), bifenthrin (ISO), chlorfenapyr (ISO), deltamethrin (INN, ISO), etofenprox (INN), fenitrothion (ISO), lambda-cyhalothrin (ISO), pirimiphos-methyl (ISO) hoặc propoxur (ISO)
		Hương (nhang) chống muỗi không phải dạng hương vòng, đóng gói với trọng lượng tịnh không quá 300g	3808.61.90	
		Hương (nhang) vòng chống muỗi, đóng gói với trọng lượng tịnh trên 300g nhưng không quá 7,5kg	3808.62.20	
		Hương (nhang) chống muỗi không phải dạng hương vòng, đóng gói với trọng lượng tịnh trên 300g nhưng không quá 7,5kg	3808.62.90	
		Hương (nhang) vòng chống muỗi trừ loại có thành phần thuộc các mã 3808.61.10; 3808.61.90; 3808.62.20; 3808.62.90	3808.91.40	
		Hương (nhang) chống muỗi không phải dạng hương vòng trừ loại có thành phần thuộc các mã 3808.61.10; 3808.61.90; 3808.62.20; 3808.62.90	3808.91.99	

Handwritten signature

TT	Sản phẩm	Mô tả hàng hóa	Mã số HS	Ghi chú
2	Tắm tắm hóa chất xua, diệt muỗi (dùng điện hoặc không dùng điện) dùng trong gia dụng và y tế	Tắm tắm hóa chất (dùng điện hoặc không dùng điện) đóng gói với trọng lượng tịnh không quá 300g	3808.61.20	Chế phẩm có chứa một hoặc nhiều chất gồm: alpha- cypermethrin (ISO), bendiocarb (ISO), bifenthrin (ISO), chlorfenapyr (ISO), deltamethrin (INN, ISO), etofenprox (INN), fenitrothion (ISO), lambda-cyhalothrin (ISO), pirimiphos-methyl (ISO) hoặc propoxur (ISO)
		Tắm tắm hóa chất (dùng điện hoặc không dùng điện) đóng gói với trọng lượng tịnh trên 300g nhưng không quá 7,5kg	3808.62.30	
		Tắm tắm hóa chất (dùng điện hoặc không dùng điện) trừ loại có thành phần thuộc các mã 3808.61.20; 3808.62.30	3808.91.50	
3	Dung dịch bốc hơi xua, diệt côn trùng (không có chức năng khử mùi) dùng trong gia dụng và y tế.	Dung dịch bốc hơi xua, diệt côn trùng đóng gói với trọng lượng tịnh không quá 300g	3808.61.40	Chế phẩm có chứa một hoặc nhiều chất gồm: alpha- cypermethrin (ISO), bendiocarb (ISO), bifenthrin (ISO), chlorfenapyr (ISO), deltamethrin (INN, ISO), etofenprox (INN), fenitrothion (ISO), lambda-cyhalothrin (ISO), pirimiphos-methyl (ISO) hoặc propoxur (ISO)
		Dung dịch bốc hơi xua, diệt côn trùng đóng gói với trọng lượng tịnh trên 300g nhưng không quá 7,5kg	3808.62.50	
		Dung dịch bốc hơi xua, diệt côn trùng đóng gói với trọng lượng tịnh trên 7,5kg	3808.69.90	
		Dung dịch bốc hơi xua, diệt côn trùng trừ loại có thành phần thuộc các mã 3808.61.40; 3808.62.50; 3808.69.90	3808.91.99	
4	Bình xịt xua, diệt côn trùng dùng trong gia dụng và y tế.	Bình xịt xua, diệt côn trùng đóng gói với trọng lượng tịnh không quá 300g	3808.61.30	Chế phẩm có chứa một hoặc nhiều chất gồm: alpha- cypermethrin (ISO), bendiocarb (ISO),

TT	Sản phẩm	Mô tả hàng hóa	Mã số HS	Ghi chú
		Bình xịt xua, diệt côn trùng đóng gói với trọng lượng tịnh trên 300g nhưng không quá 7,5kg	3808.62.40	bifenthrin (ISO), chlorfenapyr (ISO), deltamethrin (INN, ISO), etofenprox (INN), fenitrothion (ISO), lambda-cyhalothrin (ISO), pirimiphos-methyl (ISO) hoặc propoxur (ISO)
		Bình xịt xua, diệt côn trùng đóng gói với trọng lượng tịnh trên 7,5kg	3808.69.90	
		Bình xịt xua, diệt côn trùng trừ loại có thành phần thuộc các mã 3808.61.30; 3808.62.40; 3808.69.90	3808.91.30	
5	Chế phẩm xua, diệt côn trùng dùng trong gia dụng và y tế dạng bột, gel, kem, son (son có chứa hoạt chất xua, diệt côn trùng), bả	Chế phẩm xua, diệt côn trùng dạng lỏng đóng gói với trọng lượng tịnh không quá 300g	3808.61.40	Chế phẩm có chứa một hoặc nhiều chất gồm: alpha- cypermethrin (ISO), bendiocarb (ISO), bifenthrin (ISO), chlorfenapyr (ISO), deltamethrin (INN, ISO), etofenprox (INN), fenitrothion (ISO), lambda-cyhalothrin (ISO), pirimiphos-methyl (ISO) hoặc propoxur (ISO)
Chế phẩm xua, diệt côn trùng đóng gói với trọng lượng tịnh không quá 300g không ở dạng lỏng (bao gồm cả dạng gel)		3808.61.90		
Chế phẩm xua, diệt côn trùng dạng lỏng đóng gói với trọng lượng tịnh trên 300g nhưng không quá 7,5kg		3808.62.50		
Chế phẩm xua, diệt côn trùng đóng gói với trọng lượng tịnh trên 300g nhưng không quá 7,5kg không ở dạng lỏng (bao gồm cả dạng gel)		3808.62.90		
Chế phẩm xua, diệt côn trùng đóng gói với trọng lượng tịnh trên 7,5kg		3808.69.90		

Handwritten signature

TT	Sản phẩm	Mô tả hàng hóa	Mã số HS	Ghi chú
		Chế phẩm xua, diệt côn trùng trừ loại có thành phần thuộc các mã 3808.61.40; 3808.61.90; 3808.62.50; 3808.62.90; 3808.69.90	3808.91.99	
6	Chế phẩm dạng kem xoa, gel, bình xịt, tấm dán, vòng xoa côn trùng dùng cho người	Chế phẩm dạng bình xịt xoa côn trùng dùng trên người	3808.91.30	
		Tấm dán, vòng đeo tay tấm hóa chất xoa côn trùng dùng trên người	3808.91.99	
		Chế phẩm dạng kem xoa, gel dùng trên người	3808.91.99	
7	Chế phẩm màn, rèm, võng, vải, giấy được tẩm hóa chất xua, diệt côn trùng dùng trong gia dụng và y tế	Chế phẩm xua, diệt côn trùng đóng gói với trọng lượng tịnh không quá 300g	3808.61.90	Chế phẩm có chứa một hoặc nhiều chất gồm: alpha- cypermethrin (ISO), bendiocarb (ISO), bifenthrin (ISO), chlorfenapyr (ISO), deltamethrin (INN, ISO), etofenprox (INN), fenitrothion (ISO), lambda-cyhalothrin (ISO), pirimiphos-methyl (ISO) hoặc propoxur (ISO)
		Chế phẩm xua, diệt côn trùng đóng gói với trọng lượng tịnh trên 300g nhưng không quá 7,5kg	3808.62.90	
		Chế phẩm xua, diệt côn trùng đóng gói với trọng lượng tịnh trên 7,5kg.	3808.69.90	
		Chế phẩm xua, diệt côn trùng trừ loại có thành phần thuộc các mã 3808.61.90; 3808.62.90; 3808.69.90	3808.91.99	
8	Chế phẩm phun diệt côn trùng dùng trong gia dụng và y tế hoặc diệt côn trùng trên máy bay	Chế phẩm dạng lỏng (không bao gồm dạng huyền phù (SC), nhũ dầu (EC), nhũ dầu nano (NE), huyền phù vi nang (CS) và các loại huyền phù hoặc nhũ tương khác)	3808.61.40	Chế phẩm có chứa một hoặc nhiều chất gồm: alpha- cypermethrin (ISO), bendiocarb (ISO), bifenthrin (ISO), chlorfenapyr (ISO), deltamethrin (INN, ISO),

TT	Sản phẩm	Mô tả hàng hóa	Mã số HS	Ghi chú
		<p>dùng để phun tồn lưu (bề mặt), phun mù nóng, mù lạnh để diệt côn trùng, tẩm màn chống muỗi dùng trong gia dụng và y tế hoặc diệt côn trùng trên máy bay, đóng gói với trọng lượng tịnh không quá 300g</p>		<p>etofenprox (INN), fenitrothion (ISO), lambda-cyhalothrin (ISO), pirimiphos-methyl (ISO) hoặc propoxur (ISO)</p>
		<p>Chế phẩm không ở dạng lỏng dùng để phun tồn lưu (bề mặt), phun mù nóng, mù lạnh để diệt côn trùng, tẩm màn chống muỗi dùng trong gia dụng và y tế hoặc diệt côn trùng trên máy bay, đóng gói với trọng lượng tịnh không quá 300g</p>	<p>3808.61.90</p>	
		<p>Chế phẩm dạng lỏng (không bao gồm dạng huyền phù (SC), nhũ dầu (EC), nhũ dầu nano (NE), huyền phù vi nang (CS) và các loại huyền phù hoặc nhũ tương khác) dùng để phun tồn lưu (bề mặt), phun mù nóng, mù lạnh để diệt côn trùng, tẩm màn chống muỗi dùng trong gia dụng và y tế hoặc diệt côn trùng trên máy bay, đóng gói với trọng lượng tịnh trên 300g nhưng không quá 7,5kg</p>	<p>3808.62.50</p>	

TT	Sản phẩm	Mô tả hàng hóa	Mã số HS	Ghi chú
		<p>Chế phẩm không ở dạng lỏng (không bao gồm dạng huyền phù (SC), nhũ dầu (EC), nhũ dầu nano (NE), huyền phù vi nang (CS) và các loại huyền phù hoặc nhũ tương khác) dùng để phun tồn lưu (bề mặt), phun mù nóng, mù lạnh để diệt côn trùng, tẩm màn chống muỗi dùng trong gia dụng và y tế hoặc diệt côn trùng trên máy bay, đóng gói với trọng lượng tịnh trên 300g nhưng không quá 7,5kg</p>	3808.62.90	
		<p>Chế phẩm dùng để phun tồn lưu (bề mặt), phun mù nóng, mù lạnh để diệt côn trùng, tẩm màn chống muỗi dùng trong gia dụng và y tế hoặc diệt côn trùng trên máy bay và được đóng gói với trọng lượng tịnh trên 7,5kg</p>	3808.69.90	
		<p>Chế phẩm dùng để phun tồn lưu (bề mặt), phun mù nóng, mù lạnh để diệt côn trùng, tẩm màn chống muỗi dùng trong gia dụng và y tế hoặc diệt côn trùng trên máy bay trừ loại có thành phần thuộc các mã 3808.61.40; 3808.61.90; 3808.62.50; 3808.62.90; 3808.69.90</p>	3808.91.99	<p>Bao gồm chế phẩm huyền phù (SC), nhũ dầu (EC), nhũ dầu nano (NE), huyền phù vi nang (CS) và các loại huyền phù hoặc nhũ tương khác</p>

TT	Sản phẩm	Mô tả hàng hóa	Mã số HS	Ghi chú
9	Chế phẩm diệt bọ gây dùm trong gia dụng và y tế	Chế phẩm dùng trong nước để diệt bọ gây muối, bao gồm cả chế phẩm chứa vi sinh vật <i>Bacillus thuringiensis israelensis</i> (Bti)	3808.91.99	
10	Chế phẩm diệt khuẩn tay không dùng nước dùng trong gia dụng	Chế phẩm để diệt khuẩn tay dùng trong gia dụng đóng gói dạng bình xịt	3808.94.20	Không bao gồm sản phẩm có tác dụng chính là tẩy rửa và chứa thêm chất diệt khuẩn
		Chế phẩm để diệt khuẩn tay dùng trong gia dụng không thuộc mã 3808.94.20	3808.94.90	
11	Chế phẩm tắm diệt khuẩn dùng trong y tế cho bệnh nhân, nhân viên y tế	Chế phẩm để diệt khuẩn da toàn thân dùng trong y tế cho bệnh nhân, nhân viên y tế đóng gói dạng bình xịt	3808.94.20	Không bao gồm sản phẩm có tác dụng chính là tẩy rửa và chứa thêm chất diệt khuẩn
		Chế phẩm để diệt khuẩn da toàn thân dùng trong y tế cho bệnh nhân, nhân viên y tế không thuộc mã 3808.94.20	3808.94.90	
12	Chế phẩm diệt khuẩn dụng cụ, bề mặt, đồ dùng trong gia dụng	Chế phẩm để diệt khuẩn bề mặt, dụng cụ dùng trong gia dụng đóng gói dạng bình xịt	3808.94.20	Không bao gồm sản phẩm có tác dụng chính là tẩy rửa và chứa thêm chất diệt khuẩn; sản phẩm diệt khuẩn bề mặt tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm; sản phẩm diệt khuẩn thực phẩm
		Chế phẩm để diệt khuẩn bề mặt, dụng cụ dùng trong gia không thuộc mã 3808.94.20	3808.94.90	
13	Chế phẩm diệt khuẩn nước trong gia dụng	Chế phẩm diệt khuẩn nước sinh hoạt, nước bể bơi trong gia đình	3808.94.90	Không bao gồm chế phẩm để diệt khuẩn nước hồ bơi công cộng
14	Chế phẩm diệt khuẩn da dùng trong y tế	Chế phẩm diệt khuẩn tay cho nhân viên y tế, diệt khuẩn da bệnh nhân đóng gói dạng bình xịt	3808.94.20	Không bao gồm chế phẩm diệt khuẩn vết thương, niêm mạc dùng cho người; chế phẩm

TT	Sản phẩm	Mô tả hàng hóa	Mã số HS	Ghi chú
		Chế phẩm diệt khuẩn tay cho nhân viên y tế, diệt khuẩn da bệnh nhân không thuộc mã 3808.94.20	3808.94.90	diệt khuẩn da cho bệnh nhân trước, sau khi tiêm; diệt khuẩn vùng da phẫu thuật
15	Chế phẩm diệt khuẩn bề mặt dùng trong y tế	Chế phẩm dùng để diệt khuẩn các bề mặt trong cơ sở y tế đóng gói dạng bình xịt	3808.94.20	Bao gồm chế phẩm diệt khuẩn bề mặt dùng trong cả gia dụng và y tế
		Chế phẩm dùng để diệt khuẩn các bề mặt trong cơ sở y tế không thuộc mã 3808.94.20	3808.94.90	
16	Chế phẩm diệt khuẩn trên máy bay	Chế phẩm dùng để diệt khuẩn trên máy bay đóng gói dạng bình xịt	3808.94.20	
		Chế phẩm dùng để diệt khuẩn trên máy bay không thuộc mã 3808.94.20	3808.94.90	